Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7202.99.00

Mã HS	7202.99.00
Mô tả hàng hóa	Hợp kim fero / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	30/10/2026 23:23:41
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72029900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10963
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10963
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10963
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10963
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10270
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10221
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10221
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10221
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10221
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10221
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10221
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10273
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10273

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10273
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10273
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10273
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10273
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10274
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10274
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10274
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10274
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10274
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10274
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10275
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10227
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10233
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10233
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10233
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10233
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10233
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10233
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10258
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10258
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10258
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10258
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10258
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10258
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10311
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10311

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10311
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10311
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10311
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10311
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10296
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10296
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10296
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10296
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10296
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10296
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10296
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10296
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10296
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10296
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10296
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10296
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10313
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10313
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10313
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10313
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10313
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10313
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10312
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10312
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10312
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10312

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10312
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10312
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10253
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10253
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10253
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10253
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10253
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10253
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10253
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10290
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10290
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10290
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10290
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10290
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10290
RCEP B	2022	2022	0	B!D10290
RCEP B	2023	2023	0	B!E10290
RCEP B	2024	2024	0	B!F10290
RCEP B	2025	2025	0	B!G10290
RCEP B	2026	2026	0	B!H10290
RCEP B	2027	2027	0	B!I10290
RCEP C	2022	2022	0	C!D10290
RCEP C	2023	2023	0	C!E10290
RCEP C	2024	2024	0	C!F10290
RCEP C	2025	2025	0	C!G10290
RCEP C	2026	2026	0	C!H10290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10290
RCEP D	2022	2022	0	D!D10289
RCEP D	2023	2023	0	D!E10289
RCEP D	2024	2024	0	D!F10289
RCEP D	2025	2025	0	D!G10289
RCEP D	2026	2026	0	D!H10289
RCEP D	2027	2027	0	D!I10289
RCEP E	2022	2022	0	E!D10293
RCEP E	2023	2023	0	E!E10293
RCEP E	2024	2024	0	E!F10293
RCEP E	2025	2025	0	E!G10293
RCEP E	2026	2026	0	E!H10293
RCEP E	2027	2027	0	E!I10293
RCEP F	2022	2022	0	F!D10290
RCEP F	2023	2023	0	F!E10290
RCEP F	2024	2024	0	F!F10290
RCEP F	2025	2025	0	F!G10290
RCEP F	2026	2026	0	F!H10290
RCEP F	2027	2027	0	F!I10290
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9513
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9513
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9513
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9513

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Hợp kim sắt (hợp kim Fero). Gồm: Hợp kim sắt Mangan; Hợp kim sắt Silic; Hợp kim sắt Silic - Mangan; Hợp kim sắt Crôm; Hợp kim sắt Silic - Crôm; Hợp kim sắt Niken; Hợp kim sắt Molipden; Hợp kim sắt Vonfram và hợp kim Silic - Vonfram; Hợp kim sắt khác (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7202.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7202.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10963), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.